TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1282/2024/HC-PT
Ngày: 18 - 12 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 537/2024/TLPT-HC ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 113/2024/HC-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4511/2024/QĐPT-HC ngày 27 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1

Trụ sở: Số B T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Nguyễn Hùng D (có mặt);

2/ Ông Nguyễn Đăng N (có mặt);

3/ Ông Quách Vũ Ân K (có mặt);

4/ Bà Nguyễn Thùy V (xin vắng mặt);

5/ Ông Trần Hoàng V1 (có mặt);

6/ Bà Nguyễn Hà L (có mặt).

Cùng địa chỉ: P Lầu C, Sài Gòn C, F L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1/ Luật sư Đỗ Đức Vân H – Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt);

2/ Luật sư Châu Huy Q – Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt);

3/ Luật sư Trần Thị Minh C – Đoàn Luật sư Thành phố H (xin vắng mặt).

- *Người bị kiện:* Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến D1 – Phó Cục trưởng (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số F V, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1/ Ông Ngô Hoàng P – Kiểm tra viên (có mặt);

2/ Ông Cao Thanh T – Kiểm tra viên (có mặt);

3/ Ông Luyện Vũ Đức B – Kiểm tra viên (xin vắng mặt);

4/ Ông Lê Hữu C1 – Kiểm tra viên (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện là Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 có ông Nguyễn Hùng D là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 14/12/2007, Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 411043000429, chứng nhận nhà đầu tư "Robert Bosch Invesment Nederland B.V" (một công ty tại Hà Lan) thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 gắn liền với việc thực hiện "Dự án Xuất Nhập Khẩu R", tổng vốn đầu tư là 1.000.000 Euro.

Mục tiêu của Dự án Xuất Nhập K1 Robert Bosch là "*Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu*" đối với các mặt hàng thuộc các nhóm hàng có mã số HS nhập khẩu như được liệt kê tại Giấy chứng nhận đầu tư này.

Ngày 19/05/2008, Ban Q1 cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 47212000472, chứng nhận nhà đầu tư "Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1" thành lập Dự án "Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1", tổng vốn đầu tư là 52.000.000 Euro ("Dự án năm 2008").

Mục tiêu của Dự án năm 2008 "*Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe với quy mô 1.359.000 cái/năm*."

Căn cứ theo Khoản 2 và 3 Điều 2 Nghị định 108/2006/NĐ-CP, Dự án năm 2008 là dự án đầu tư mới, không phải là dự án đầu tư mở rộng của bất kỳ

dự án nào khác. Việc Cục Thuế Thành phố H nhận định dự án năm 2008 là dự án đầu tư mở rộng là không đúng.

Mặt khác, Cục thuế Thành phố H viện dẫn Điều 2.2, Mục (I) Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC, cho rằng B1 thành lập chi nhánh để thực hiện Dự án năm 2008 là thuộc trường hợp "Dự án đầu tư mở rộng" là không đúng vì Thông tư 130/2008/TT-BTC có hiệu lực áp dụng từ ngày 18/01/2009, trong khi chi nhánh của B1 tại Đồng Nai được thành lập từ 19/5/2008.

Như vậy, dự án năm 2008 đáp ứng đủ điều kiện để áp dụng chính sách ưu đãi về thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Luật Đầu tư (2005), Nghị định 108/2006/NĐ-CP, Nghị định 24/2007/NĐ-CP và theo người khởi kiện thì chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như trên vẫn được duy trì áp dụng ngay cả trong trường hợp pháp luật có thay đổi theo Khoản 2 Điều 11 Luật Đầu tư (2005), Khoản 2 Điều 13 Luật Đầu tư (2014) và khoản 2 Điều 13 Luật Đầu tư (2020). Ngay cả trong trường hợp các quy định pháp luật khác điều chỉnh hoặc thay thế các quy định tại Luật Đầu tư (2005), Nghị định 108/2006/NĐ-CP và Nghị định 24/2007/NĐ-CP mà "làm ảnh hưởng bất lợi đến lợi ích hợp pháp mà nhà đầu tư đã được hưởng" sẽ không được áp dụng đối với Dự án năm 2008.

Đoạn 3 Khoản 5 Điều 23 Thông tư 123/2012/TT-BTC chỉ quy định doanh nghiệp "*không được hưởng ưu đãi với phần thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng mang lại*" khi doanh nghiệp có dự án đầu tư mở rộng sản xuất đến ngày 31/12/2008 đang đầu tư xây dựng dở dang, trong năm 2009 dự án vẫn tiếp tục quá trình đầu tư xây dựng dở dang và từ năm 2010 trở đi mới hoàn thành đi vào sản xuất, kinh doanh.

Tuy nhiên, tại Văn bản 230/KCNĐN-DN ngày 09/02/2010, Ban quản lý các Khu Công nghiệp Đ xác nhận Dự án năm 2008 "*bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh (có phát sinh doanh thu) từ tháng 8/2008*" – sớm hơn tiến độ cam kết tại Giấy chứng nhận đầu tư (tháng 10/2008) 02 tháng.

Khoản 5 Điều 23 Thông tư 123/2012/TT-BTC không quy định cho phép xem xét phần thu nhập tăng thêm tương ứng từng năm, mà chỉ xem xét trên toàn bộ dự án đầu tư mở rộng mang lại. Ngoài ra, yếu tố "*hoàn thành đưa vào sản xuất kinh doanh*" phải được hiểu tương ứng với việc doanh nghiệp đã đưa dự án vào sản xuất kinh doanh tại thời điểm nào, chứ không xem xét đến việc doanh nghiệp có còn tiến hành xâp dựng, lắp đặt bổ sung hạng mục nào hay không.

Do vậy, người khởi kiện cho rằng Cục thuế Thành phố H xác định dự án năm 2008 chưa được hoàn thành đưa vào sản xuất kinh doanh là không chính xác, để từ đó áp dụng quy định tại đoạn 3, khoản 5 Điều 23 Thông tư 123/2012/TT-BTC để kết luận Robert Bosch Việt Nam phải nộp thêm thuế thu nhập doanh nghiệp (*loại trừ ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập tăng thêm*) là không có cơ sở.

Với những viện dẫn trên, Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 khởi kiện yêu

cầu Tòa án hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 816/QĐ-CT ngày 09/3/2020 của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H.

Người bị kiện Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H trình bày:

Cục Thuế Thành phố H đã tiến hành thanh tra theo Quyết định Thanh tra thuế số 972/QĐ-CT-TT ngày 24/5/2019 về việc thanh tra thuế tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1; Mã số thuế: 0305397776, thời kỳ thanh tra: Từ năm 2011 đến năm 2014 và các thời kỳ có liên quan về ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

Sau đó, Cục Thuế Thành phố H đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 816/QĐ-CT ngày 09/03/2020 do vi phạm hành chính gây ra đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1, truy thu tổng số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp là 140.043.490.251 đồng, tính tiền chậm nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp là 117.720.649.780 đồng do xác định lại trường hợp được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411043000429 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp lần đầu ngày 14/12/2007 để thực hiện dự án xuất nhập khẩu R. Ngày 15/5/2008, Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 đăng ký thay đổi lần thứ 1 để bổ sung hoạt động sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe. Sau đó, Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 đăng ký thành lập Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 tại tỉnh Đồng Nai, được Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đ cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 47212000472 lần đầu ngày 19/05/2008 để thực hiện dự án Nhà máy sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe.

Như vậy, theo quy định thì dự án sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe tại tỉnh Đồng Nai được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với trường hợp dự án đầu tư mở rộng cụ thể như sau: được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ Dự án nhà máy sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe trong 03 năm 2009, 2010, 2011 (tính từ năm 2009 do năm 2008 chưa có thu nhập); giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 05 năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2016.

Trên thực tế, dự án đầu tư mở rộng của Công ty tại tỉnh Đồng Nai được đầu tư nhiều giai đoạn. Đến cuối năm 2008, nhiều hạng mục của dự án còn đầu tư xây dựng dở dang, ngoài giá trị tài sản đầu tư hoàn thành năm 2009 được tính vào giá trị tài sản cố định đầu tư tăng thêm để phân bổ thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thì từ năm 2010 đến năm 2014, Công ty vẫn tiếp tục đầu tư, hoàn thành, đưa vào phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Cơ quan thuế xác định phần thu nhập tăng thêm từ giá trị tài sản đầu tư hoàn thành từ năm 2010 đến năm 2014 không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập

doanh nghiệp theo giấy chứng nhận đầu tư số 47212000472 lần đầu ngày 19/05/2008 theo quy định tại Điểm 2 Mục IV Phần E Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ T2, Điểm 6 Phần I Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ T2 và Điểm 5 Điều 23 Chương VII Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 của Bộ T2.

Theo đó, phương án xác định thu nhập được hưởng ưu đãi thuế của doanh nghiệp (khác với phương án xác định thu nhập được hưởng ưu đãi thuế của Cơ quan thuế): doanh nghiệp xác định toàn bộ giá trị tài sản cố định đầu tư từ năm 2008 đến ngày 31/10/2011 (do làm tròn theo tháng đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đầu tư lần thứ 3 là ngày 12/10/2011) tính vào giá trị tài sản cố định tăng thêm được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 113/2024/HC-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1/Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 về việc hủy Quyết định số 816/QĐ-CT ngày 09/3/2020 về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H.

2/Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 về việc yêu cầu Cục trưởng Cục thuế Thành phố H chấp nhận cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 được áp dụng ưu đãi cho dự án đầu tư mới đối với Dự án năm 2008.

3/Hủy bỏ dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 79/2020/QĐ-BPKCTT ngày 01/4/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 56/BPKCTT ngày 17/4/2024 của Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/4/2024 người khởi kiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 (có ông Nguyễn Hùng D, Nguyễn Đăng N, Quách Vũ Ân K, Trần Hoàng V1 và bà Nguyễn Hà L đại diện theo ủy quyền) thống nhất vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vì Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, chưa thu thập ý kiến chuyên gia, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; chưa xem xét các chính sách ưu đãi đầu tư mà người khởi kiện được hưởng; không cho người bị kiện đối thoại, đối chất với người khởi kiện. Người khởi kiện cho rằng việc doanh nghiệp thành lập dự án "Chi nhánh Công ty TNHH B1" tại Đồng Nai là dự án đầu tư mới, không phải là dự án đầu tư mở rộng nên được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp. Mặt khác, trong trường hợp xác định đây là dự

án đầu tư mở rộng, thì theo quy định tại khoản 5 Điều 23 Thông tư 123/2012/TT-BTC doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi với phần thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng mang lại, khi doanh nghiệp có dự án đầu tư mở rộng sản xuất đến ngày 31/12/2008 đang đầu tư xây dựng dở dang, trong năm 2009 dự án vẫn tiếp tục quá trình đầu tư xây dựng dở dang và từ năm 2010 trở đi mới hoàn thành đi vào sản xuất, kinh doanh. Bản án sơ thẩm đề cập đến Công văn 230/KCNĐN ngày 09/02/2010, Ban quản lý các Khu công nghiệp Đ xác nhận Dự án năm 2008 bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh từ tháng 8/2008 sớm hơn tiến độ cam kết tại Giấy chứng nhận đầu tư tháng 10/2008 nhưng lại cho rằng nội dung công văn này không chứng minh dự án năm 2008 đã hoàn thành đi vào sản xuất kinh doanh từ tháng 8/2008 trước 2010 là trái với kết luận của ban Q1. Ngoài ra, bản án sơ thẩm áp dụng pháp luật được ban hành sau thời điểm thành lập dự án năm 2008 không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là các Luật sư Châu Huy Q và Đỗ Đức Vân H thống nhất phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại do Tòa án cấp sơ thẩm chưa nhận định, đánh giá đúng bản chất của dự án sản xuất năm 2008, không làm rõ sự độc lập của dự án sản xuất năm 2008 theo các quy định của pháp luật liên quan, áp dụng sai quy định của pháp luật để giải quyết vụ án là Nghị định 124/2008/NĐ-CP của Chính Phủ, Thông tư số 130/2008/TT-BTC và Thông tư 123/2012/TT-BTC của Bộ T2 có hiệu lực sau thời điểm dự án năm 2008 được thành lập; không xem xét giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về việc buộc Cục trưởng Cục thuế Thành phố H chấp nhận cho công ty TNHH B1 được áp dụng ưu đãi cho dự án đầu tư mới đối với Dự án năm 2008 là trái quy định tại Điều 6 Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng việc thực hiện dự án chỉ hoàn thành đi vào sản xuất kinh doanh sau năm 2010, trong khi công ty đã hoàn thành sản xuất đi vào hoạt động kinh doanh và phát sinh thuế từ 2008 là chưa chính xác. Cục T không xem xét đến thực tiễn thực hiện dự án đầu tư và áp dụng các văn bản có hiệu lực sau ngày thực hiện dự án để hồi tố áp dụng về ưu đãi thuế, gây bất lợi cho doanh nghiệp. Sau khi xử sơ thẩm, Cục T1 tiếp tục ra quyết định truy thu số tiền 175 tỷ là trái quy định của Luật quản lý thuế năm 2019 do không loại trừ thời gian dịch covid và thời gian Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Ngoài ra, nhiều dự án khác tương tự như vụ án này như dự án Y, S hay N1 cũng được hưởng các ưu đãi về thuế nhưng công ty B1 lại không được hưởng.

Người bị kiện là Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H (có ông Nguyễn Tiến D1 đại diện theo ủy quyền) có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là các ông Lê Hữu C1, Ngô Hoàng P và Cao Thanh T thống nhất phát biểu ý kiến không đồng ý kháng cáo của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ

nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ theo quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự này.

[2] Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411043000429 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp lần đầu ngày 14/12/2007 để thực hiện dự án xuất nhập khẩu. Ngày 15/05/2008 Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 đăng ký thay đổi lần thứ 1 để bổ sung hoạt động sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe. Ngày 19/5/2008, Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 được Ban Quản lý các khu công nghiệp Đ cấp giấy chứng nhận đầu tư với nội dung đăng ký kinh doanh cho Chi nhánh Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 tại Đồng Nai với ngành, nghề: Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe.

[3] Ngày 02/3/2020, Cục thuế Thành phố H lập biên bản thanh tra thuế tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 có nội dung: Doanh nghiệp kê khai sai chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế, xác định sai thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi và thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi miễn, giảm dẫn đến thiếu số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Ngày 09/3/2020, Cục trưởng Cục thuế Thành phố H ban hành Kết luận Thanh tra thuế số 207/KL-CT, kết luận Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 đã có hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định 129/2013/NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế". Căn cứ kết luận trên, Cục trưởng Cục thuế Thành phố H đã ban hành Quyết định số 816/QĐ-CT ngày 09/3/2020 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 nộp khoản tiền thuế truy thu là 140.043.490.251 đồng, và số tiền thuế chậm nộp là 117.720.649.780 đồng.

[4] Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 cho rằng doanh nghiệp thành lập dự án "Chi nhánh Công ty TNHH B1" tại Đồng Nai là dự án đầu tư mới, không phải là dự án đầu tư mở rộng nên được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp. Mặt khác, trong trường hợp xác định đây là dự án đầu tư mở rộng, thì theo quy định tại Khoản 5 Điều 23 Thông tư 123/2012/TT-BTC doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi với phần thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng mang lại, khi doanh nghiệp có dự án đầu tư mở rộng sản xuất đến ngày 31/12/2008 đang đầu tư xây dựng dở dang, trong năm 2009 dự án vẫn tiếp tục quá trình đầu tư xây dựng dở dang và từ năm 2010 trở đi mới hoàn thành đi vào sản xuất, kinh doanh. Trong khi đó, theo văn bản 230/KCNĐN-DN ngày 09/02/2010, Ban quản lý các Khu Công nghiệp Đ xác nhận Dự án năm 2008 bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh (có phát sinh doanh thu) từ tháng 8/2008, nên không thuộc trường hợp áp dụng quy định trên (doanh nghiệp đã hoạt động sản xuất kinh doanh trước năm 2010).

[5] Xét thấy, tại khoản 2 và khoản 3 Điều 2 của Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006: "Dự án đầu tư mới là dự án thực hiện lần đầu hoặc dự án đầu tư độc lập với dự án đang thực hiện; Dự án đầu tư mở rộng là dự án đầu tư phát triển dự án đầu tư đang thực hiện nhằm mở rộng quy mô, nâng cao công suất, năng lực kinh doanh, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm ô nhiễm môi trường"; Khoản 5 Điều 19 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định điều kiện được hưởng ưu đãi dự án đầu tư mới bao gồm: "Doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế quy định tại Điều 15 và Điều 16 Nghị định này là doanh nghiệp đăng ký kinh doanh lần đầu"; Khoản 2 Điều 37 Luật Doanh nghiệp năm 2005 quy định: "Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp K2 chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp".

Đối chiếu với quy định pháp luật nêu trên, việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 thành lập chi nhánh tại Đồng Nai để thực hiện dự án sản xuất phụ tùng, bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ, và động cơ xe là hình thức mở rộng dự án đầu tư ban đầu, không phải là cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư. Ngoài ra, tại Văn bản số 6701 ngày 03/9/2009 của Bộ K3 và Đầu tư và Văn bản số 4070/BTC-TCT ngày 30/3/2015 của Bộ T2 xác định dự án đầu tư tại Đồng Nai của Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 thuộc diện dự án đầu tư mở rộng. Do vậy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc dự án đầu tư tại Đồng Nai của Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 được xác định là dự án đầu tư mở rộng là có căn cứ.

[6] Theo giấy chứng nhận đầu tư số 47212000472 ngày 19/5/2008 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tại Đồng Nai cấp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 thể hiện dự án đầu tư tại Đồng Nai là dự án đầu tư từng phần, tiến độ

góp vốn trong vòng 04 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đầu tư (ngày 19/5/2008). Tại Biên bản thanh tra thuế ngày 02/03/2020, Công ty cũng xác định Dự án tại Đồng Nai thực hiện theo đúng tiến độ đầu tư từ năm 2008. Như vậy, theo kế hoạch dự án sẽ hoàn thành vào năm 2012. Nội dung Văn bản số 230/KCNĐN-DN ngày 09/02/2010 của Ban quản lý các Khu Công nghiệp Đ không xác nhận dự án đã hoàn thành mà chỉ xác nhận thời điểm bắt đầu sản xuất kinh doanh, nên không đủ cơ sở xác định dự án đã hoàn thành từ năm 2008 (trước năm 2010). Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm nhận định dự án trên hoàn thành đi vào sản xuất, kinh doanh từ sau năm 2010 nên doanh nghiệp không được ưu đãi thuế đối với phần thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng mang lại theo quy định tại khoản 5 Điều 23 Thông tư 123/2012/TT-BTC là đúng quy định pháp luật.

[7] Ngoài ra, theo nội dung đơn khởi kiện thể hiện người khởi kiện còn yêu cầu Cục trưởng Cục thuế Thành phố H chấp nhận cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 được áp dụng ưu đãi cho dự án đầu tư mới đối với Dự án năm 2008. Xét, nội dung yêu cầu này không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết yêu cầu này theo quy định tại Điều 3, Điều 115, Điều 143 Luật tố tụng hành chính là có căn cứ.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh nên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[9] Các phần quyết định khác của bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[10] Án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên người có kháng cáo phải chịu theo quy định pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 113/2024/HC-ST ngày 17/4/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Điều 2 Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ; Điều 19 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ; Phần I Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ T2; Điều 23 Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ T2; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 về việc hủy Quyết định số 816/QĐ-CT ngày 09/3/2020 về việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả của Cục trưởng Cục Thuế Thành phố H.

2/ Các phần quyết định khác của bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

3/ Án phí hành chính phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn B1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0031893 ngày 20/5/2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND TP . HCM;
- VKSND TP . HCM;
- Cục THADS TP . HCM ;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Nhựt Bình